TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EA KAR** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST Ngày 26/02/2024 *"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết.

2. Ông Lê Khắc Dũng.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phan Hoài Đông – Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa*: Bà Giản Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 403/2023/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1986. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 17, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: thôn 1, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn: có mặt.

- Bị đơn: Ông Ma Văn C, sinh năm 1972. Nơi cư trú: thôn 17, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt (đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/10/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (Đ) và ông Ma Văn C tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 13/3/2009, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn kéo dài và gay gắt. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách,

quan điểm sống không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng và tôn trọng nhau, bên cạnh đó ông C không quan tâm đến gia đình, thường hay uống rượu say về đánh đập tôi nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do đó, vợ chồng sống ly thân từ tháng 04 năm 2023 đến nay, thời gian sống ly thân không ai quan tâm đến ai, nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên tôi yêu cầu xin ly hôn với ông Ma Văn C.

Về con chung: Vợ chồng tôi sinh được 02 con chung là Ma Thị Tuyết N, sinh ngày 07/12/2009 và Ma Đức K, sinh ngày 20/4/2017. Sau khi vợ chồng sống ly thân, con chung Ma Thị Tuyết N do ông C nuôi dưỡng, còn con chung Ma Đức K do tôi nuôi dưỡng. Vì vậy, để ổn định cuộc sống của các con chung nên tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ma Đức K đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung Ma Thị Tuyết N cho ông C được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2023, bị đơn ông Ma Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Tôi (C) và bà Nguyễn Thị Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 13/3/2009, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà Đ gây lên, đến tháng 10 năm 2023 thì bà Đ bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân cho tới nay. Bà Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn nhưng tôi không chấp nhận vì tình cảm vợ chồng vẫn còn.

Về con chung: Vợ chồng tôi sinh được 02 con chung là Ma Thị Tuyết N, sinh ngày 07/12/2009 và Ma Đức K, sinh ngày 20/4/2017. Sau khi ly thân, con chung Ma Thị Tuyết N do tôi nuôi dưỡng đang được học tập và có cuộc sống ổn định, còn con chung Ma Đức K do bà Đ nuôi dưỡng. Vì vậy, tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Ma Thị Tuyết N đến khi đủ 18 tuổi và giao con chung Ma Đức K cho bà Đ được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Kiểm sát viên khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng; Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: đề nghị xử cho bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Ma Văn C; Về con chung: giao con chung Ma Đức K, sinh ngày 20/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung K đủ 18 tuổi; giao con chung Ma Thị Tuyết N, sinh ngày 07/12/2009 cho ông Ma Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung N đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về quan hệ tranh chấp và thủ tục tố tụng:***

- Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông Ma Văn C và yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung. Đây là quan hệ tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Bị đơn ông Ma Văn C được Toà án triệu tập tham gia phiên toà hợp lệ đến lần 2 nhưng đương sự đều vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn ông Ma Văn C là có căn cứ phù hợp điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa khẳng định quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, Tòa án thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xét lời khai của đương sự và tài liệu trong hồ sơ vụ án, xác định: bà Nguyễn Thị Đ và ông Ma Văn C tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/3/2009 (được cấp giấy chứng nhận kết hôn lưu hồ sơ vụ án) nên hôn nhân giữa bà Đ và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại chính quyền nơi cư trú và lời trình bày của các đương sự trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, xác định: bà Đ và ông C chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, kéo dài. Đến tháng 10 năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt do không duy trì được đời sống chung nên vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau dẫn đến thiếu sự tôn trọng nhau và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Như vậy, xét thấy: từ việc mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, không thể hàn gắn dẫn đến vợ chồng sống ly thân, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, cần chấp nhận.

[2.2]. *Về con chung:* Xét lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Sau khi vợ chồng sống ly thân con chung Ma Đức K, sinh ngày 20/4/2017 do bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng và con chung Ma Thị Tuyết N, sinh ngày 07/12/2009 do ông C trực tiếp nuôi dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự yêu cầu: Con chung Ma Đức K tiếp

tục giao cho bà Nguyễn Thị Đ nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi và giao con chung Ma Thị Tuyết N cho ông Ma Văn C nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Xét yêu cầu của các đương sự phù hợp với nguyện vọng của con chung N được thể hiện trong tài liệu lưu hồ sơ vụ án, đảm bảo việc ổn định học tập và cuộc sống của các con chung, cũng như đáp ứng được quyền lợi hợp pháp về mọi mặt của các con chung, nên căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Ma Văn C có quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Đ và ông Ma Văn C không được lạm dụng việc thăm nom con chung để gây cản trở đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung; vì lợi ích của con chung khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[2.3]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không kê khai. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[2.4]. *Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000068 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. *Về hôn nhân:* Tuyên xử bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với ông Ma Văn C.

2. *Về con chung:* Giao con chung Ma Đức K, sinh ngày 20/4/2017 cho bà Nguyễn Thị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung K đủ 18 tuổi.

Giao con chung Ma Thị Tuyết N, sinh ngày 07/12/2009 cho ông Ma Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi con chung N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Đ và ông Ma Văn C có quyền đi lại thăm nom con chung và không bị cản trở. Tuy nhiên, bà Đ và ông C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000068 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Xuân Chiến

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.
-Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
-Chi cục THADS huyện K.
-UBND xã B, huyện K,
tỉnh Đắk Lắk
-Các đương sự;
-Lưu HS, VP.